

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 11/2006/TT-BTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2006

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006
của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện,
Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

Bộ Thương mại hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, thông báo hoạt động, báo cáo hoạt động, chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 72/2006/NĐ-CP như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ quan cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp Giấy phép)

a) Bộ Thương mại là cơ quan cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi (sửa đổi, bổ sung sau đây gọi chung là điều chỉnh) Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là Chi nhánh).

b) Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Sở Thương mại) là cơ quan cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia

hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là Văn phòng đại diện) trong phạm vi quản lý của địa phương.

2. Trách nhiệm của cơ quan cấp Giấy phép

a) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh cho thương nhân nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 72/2006/NĐ-CP.

b) Xem xét việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Nghị định số 72/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

c) Thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

d) Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo đúng quy định của pháp luật về lưu trữ.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức, hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh; phát hiện và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật các vi phạm của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

e) Bộ Thương mại có trách nhiệm công khai thông tin về Văn phòng đại diện, Chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trên trang web của Bộ Thương mại: <http://www.mot.gov.vn>; triển khai xây dựng, phần mềm quản lý Văn phòng đại diện, Chi nhánh và hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý, cập nhật thông tin về Văn phòng đại diện cho các Sở Thương mại.

g) Các Sở Thương mại có trách nhiệm cập nhật thông tin về việc cấp mới, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại địa phương một tháng một lần theo phần mềm quản lý thông tin đã được Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện và tổng hợp báo cáo định kỳ về Bộ Thương mại theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP.

h) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện chung về hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập của Văn phòng đại diện, Chi nhánh

a) Các giấy tờ do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp hay xác nhận đối với hồ sơ Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Nghị định số 72/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và dịch ra tiếng Việt; bản dịch, bản sao phải được công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Bản sao các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp hay xác nhận đối với hồ sơ Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Nghị định số 72/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này phải được công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

II. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP, trong đó:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh thực hiện theo Mẫu MĐ-1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu khác có giá trị tương đương theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP bao gồm: văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP, trong đó

đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thực hiện theo Mẫu MĐ-2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP

Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 12 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP, trong đó đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thực hiện theo Mẫu MĐ-3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP

a) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP, trong đó đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thực hiện theo Mẫu MĐ-3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh ghi trên Giấy phép cấp lại giữ nguyên như nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh ghi trên Giấy phép đã được cấp, trừ trường hợp hướng dẫn tại điểm d khoản này.

c) Thời hạn của Giấy phép cấp lại cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP.

d) Trong trường hợp Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực thương mại và du lịch theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp theo Nghị định 45/2000/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2000 của Chính phủ quy định về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam thì cơ quan cấp Giấy phép theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục I Thông tư này chỉ thực hiện cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện phù hợp với các quy định của Điều 16 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP và cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 2 và Điều 17 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP.

Các nội dung hoạt động trong lĩnh vực du lịch của Văn phòng đại diện, Chi nhánh quy định trong Giấy phép đã được cấp theo Nghị định 45/2000/NĐ-CP vẫn tiếp tục còn hiệu lực; trường hợp có các văn bản quy phạm pháp luật mới quy định về Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực du lịch thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đó.

5. Hồ sơ gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP, trong đó:

- a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thực hiện theo Mẫu MĐ-4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Tài liệu khác có giá trị tương đương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP bao gồm: văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất.

6. Hồ sơ gia hạn và điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh

Trong trường hợp thương nhân nước ngoài đề nghị gia hạn đồng thời với việc điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại Việt Nam, hồ sơ đề nghị gia hạn và điều chỉnh thực hiện như đối với trường hợp gia hạn. Đơn đề nghị gia hạn và điều chỉnh Giấy phép thực hiện theo Mẫu MĐ-5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH

1. Tiếp nhận hồ sơ

- a) Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo hướng dẫn chi tiết tại Mục II Thông tư này đến cơ quan cấp Giấy phép quy định tại khoản 1 Mục I.